

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST

Ngày: 12.3.2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm Nhân dân:*
 - 1/ Bà Trần Thúy Kiên
 - 2/ Ông Nguyễn Hữu Đức
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Trung Thu - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 39/2017/TLST-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Ngân hàng thương mại cổ phần V*

Địa chỉ trụ sở: phường L, quận Đ, Hà Nội.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có ông **Nguyễn Trọng H**, sinh năm 1984

Chức vụ: chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ liên lạc: phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: *Doanh nghiệp tư nhân T* - Ông **Nguyễn Văn C là chủ doanh nghiệp.**

Địa chỉ trụ sở: khu vực P, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị D, sinh năm 1984**

Trú tại: khu vực P, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.

4. Bên bảo lãnh: Ông **Nguyễn Văn C sinh năm 1984**

Trú tại: khu vực P, phường H, quận T, thành phố Cần Thơ.

(Ông C có đơn xin xét xử vắng mặt; bà D vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 29.5.2017, Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:*

Vào năm 2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V chi nhánh An Giang với Doanh nghiệp tư nhân T (gọi tắt là Doanh nghiệp) có ông Nguyễn Văn C là chủ doanh nghiệp thỏa thuận giao kết các hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số SME/AGG/16/0073/HDHM-01 ngày 19.10.2016, Ngân hàng cho ông C (chủ doanh nghiệp) vay 800.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 19.10.2016, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh lĩnh vực gạo, tấm, cám; Lãi suất vay trong hạn là 9,4%/năm cố định trong một tháng đầu tính từ ngày giải ngân và được điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo nợ vay, ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị D thế chấp 01 xe ô tô con, nhãn hiệu Toyota, số loại Camry ASV50L, biển số 65A-04546, giấy đăng ký xe số 009722 do công an thành phố Cần Thơ cấp ngày 14.5.2014.

2. Hợp đồng tín dụng số SME/AGG/16/0035/HDHM ngày 28.4.2016, ngân hàng cho ông C (chủ doanh nghiệp) vay hạn mức 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 25.01.2016, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động buôn bán gạo; Lãi suất vay trong hạn theo mỗi lần vay vốn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Theo đó, ngân hàng giải ngân cho ông C theo các lần vay như sau:

- Lần 1: Khế ước nhận nợ (lần 1) số SME/AGG/16/0035/HDHM ngày 28.4.2016, số tiền vay 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 28.4.2016, Lãi suất vay trong hạn là 16,45%/năm được cố định trong vòng ba tháng đầu kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần;

- Lần 2: Khế ước nhận nợ (lần 2) số SME/AGG/16/0035/HDHM-02 ngày 03.6.2016, số tiền vay 625.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 03.6.2016, Lãi suất vay trong hạn là 15,95%/năm được cố định trong vòng ba tháng đầu kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần;

- Lần 3: Khế ước nhận nợ (lần 3) số SME/AGG/16/0035/HDHM-03 ngày 05.8.2016, số tiền vay 1.354.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 05.8.2016, Lãi suất vay trong hạn là 17,2%/năm được cố định trong vòng 01 tháng đầu kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần;

- Lần 4: Khế ước nhận nợ (lần 5) số SME/AGG/16/0035/HDHM-05 ngày 07.10.2016, số tiền vay 579.600.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 07.10.2016, Lãi suất vay trong hạn là 17,4%/năm được cố định trong vòng 01 tháng đầu kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần.

Để đảm bảo nợ vay, ông Nguyễn Văn C bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông C theo hợp đồng bảo lãnh số SME/AGG/16/0005/HDBL ngày 25.01.2016.

Do hợp đồng tín dụng đã đến hạn thanh toán nhưng ông C không thanh toán nợ cho ngân hàng. Mặc dù, ngân hàng nhiều lần yêu cầu đòi nợ quá hạn nhưng bị đơn vẫn không thực hiện việc trả nợ nên đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng tín

dụng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 29.5.2017 và tiền lãi phát sinh đến khi bị đơn thanh toán xong nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Nếu bị đơn không thanh toán tiền nợ nêu trên thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, nếu tài sản phát mãi không đủ trả nợ thì tiếp tục trả thêm cho đến khi trả hết nợ. Cụ thể, đến ngày khởi kiện (ngày 29.5.2017), ngân hàng yêu cầu Doanh nghiệp tư nhân T có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng gồm: nợ gốc quá hạn: 3.748.000.000 đồng và nợ lãi quá hạn: 433.871.781 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là: 4.181.871.781 đồng.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 22.01.2018, bị đơn Doanh nghiệp tư nhân T có ông Nguyễn Văn C là chủ doanh nghiệp trình bày:*

Ông thừa nhận giữa Doanh nghiệp tư nhân T với Ngân hàng thương mại cổ phần V chi nhánh An Giang có thỏa thuận giao kết hợp đồng tín dụng số SME/AGG/16/0073/HDHM-01 ngày 19.10.2016 và số SME/AGG/16/0035/HDHM ngày 28.4.2016. Theo đó:

1. Đối với hợp đồng tín dụng số SME/AGG/16/0073/HDHM-01 ngày 19.10.2016, doanh nghiệp T vay 800.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 19.10.2016, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh lĩnh vực gạo, tấm, cám; Lãi suất vay trong hạn là 9,4%/năm, có điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Để đảm bảo khoản nợ vay này, ông và bà Trần Thị D thế chấp 01 xe ô tô, nhãn hiệu Toyota, số loại Camry ASV50L, biển số 65A-04546.

2. Đối với hợp đồng tín dụng số SME/AGG/16/0035/HDHM ngày 28.4.2016, doanh nghiệp Chữ Tín vay theo các khế ước sau:

- Khế ước nhận nợ số SME/AGG/16/0035/HDHM ngày 28.4.2016, doanh nghiệp T vay 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 28.4.2016, Lãi suất vay trong hạn là 16,45%/năm cố định ba tháng đầu kể từ ngày giải ngân và ngân hàng được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần;

- Khế ước nhận nợ số SME/AGG/16/0035/HDHM-02 ngày 03.6.2016, doanh nghiệp T vay 625.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 03.6.2016, Lãi suất vay trong hạn là 15,95%/năm cố định ba tháng đầu kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần;

- Khế ước nhận nợ số SME/AGG/16/0035/HDHM-03 ngày 05.8.2016, doanh nghiệp T vay 1.354.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 05.8.2016, Lãi suất vay trong hạn là 17,2%/năm cố định 01 tháng đầu kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần;

- Khế ước nhận nợ số SME/AGG/16/0035/HDHM-05 ngày 07.10.2016, doanh nghiệp T vay 579.600.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 07.10.2016, Lãi suất vay trong hạn là 17,4%/năm cố định 01 tháng đầu kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần.

Để đảm bảo nợ vay, ông Nguyễn Văn C bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông C.

Nay Ngân hàng yêu cầu doanh nghiệp tư nhân T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng nợ gốc quá hạn: 3.748.000.000 đồng và nợ lãi quá hạn: 433.871.781 đồng, tổng cộng 4.181.871.781 đồng (tính đến ngày 29.5.2017) thì ông đồng ý có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của ngân hàng; đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ.

** Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo hòa giải, Giấy triệu tập hợp lệ cho đương sự để thực hiện việc tự khai, để tham gia phiên hòa giải vào các ngày 29.12.2017 và ngày 19.01.2018 nhưng bà D đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được theo quy định tại điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và cũng không thể thu thập tài liệu, chứng cứ đối với bà D.

Tại phiên tòa hôm nay,

./ Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn doanh nghiệp tư nhân T có nghĩa vụ trả cho ngân hàng tổng cộng tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày hôm nay (ngày 12.3.2018) là 4.943.182.030 đồng, trong đó nợ gốc quá hạn 3.748.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 1.195.182.030 đồng;

Nếu doanh nghiệp tư nhân T không thanh toán được nợ thì ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo trả nợ theo nghĩa vụ thế chấp. Nếu tài sản trên không đủ trả nợ thì yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả thêm cho đến khi trả tất nợ;

Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bị đơn theo hợp đồng bảo lãnh.

./ Ông Nguyễn Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

./ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục tố tụng;

./ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với hợp đồng tín dụng để buộc bị đơn doanh nghiệp tư nhân T có ông Nguyễn Văn C chủ Doanh nghiệp có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đủ nợ vay và nợ lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng. Nếu tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì yêu cầu tiếp tục trả thêm cho đến khi trả tất nợ.

Trường hợp Doanh nghiệp tư nhân T không trả được nợ thì ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Doanh nghiệp tư nhân T theo hợp đồng bảo lãnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật*: Ngân hàng thương mại cổ phần V chi nhánh An Giang với bị đơn doanh nghiệp tư nhân T có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng. Quá trình giao dịch, bị đơn không thanh toán nợ đến hạn theo thỏa thuận nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu đòi nợ và phát mãi tài sản thế chấp để xử lý nợ. Xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*:

/ Bị đơn ông Nguyễn Văn C - chủ doanh nghiệp vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, ông C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 09.02.2018 và ngày hôm nay (12.3.2018) nhưng bà D đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điều 227 và điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3]. *Xét giao dịch và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo hợp đồng*:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn doanh nghiệp tư nhân T có ông Nguyễn Văn C là chủ doanh nghiệp thừa nhận có thỏa thuận giao kết các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần V chi nhánh An Giang như sau:

1. Ngày 19.10.2016, Ngân hàng với doanh nghiệp T thỏa thuận giao kết hợp đồng tín dụng số SME/AGG/16/0073/HDHM-01 ngày 19.10.2016, theo đó ngân hàng cho doanh nghiệp T vay 800.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 19.10.2016, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh lĩnh vực gạo, tấm, cám; Lãi suất vay trong hạn là 9,4%/năm cố định trong một tháng đầu tính từ ngày giải ngân và được điều chỉnh theo định kỳ 01 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo nợ vay, ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị D thế chấp 01 xe ô tô con, nhãn hiệu Toyota, số loại Camry ASV50L, biển số 65A-04546, giấy đăng ký xe số 009722 do công an thành phố Cần Thơ cấp ngày 14.5.2014.

2. Ngày 28.4.2016, Ngân hàng với doanh nghiệp T thỏa thuận giao kết hợp đồng tín dụng số SME/AGG/16/0035/HDHM ngày 28.4.2016, theo đó ngân hàng cho ông C vay hạn mức 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 25.01.2016 (theo hợp đồng tín dụng số SME/AGG/16/0005/HDHM ngày 25.01.2016), mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động buôn bán gạo; Lãi suất vay trong hạn theo mỗi lần vay vốn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Theo đó, ngân hàng giải ngân cho doanh nghiệp T các lần tương ứng các lần vay như sau:

- Lần 1: Khế ước nhận nợ số SME/AGG/16/0035/HDHM ngày 28.4.2016, số tiền vay 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 28.4.2016, Lãi suất vay trong hạn là 16,45%/năm được cố định trong vòng ba tháng đầu kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần;

- Lần 2: Khế ước nhận nợ số SME/AGG/16/0035/HDHM-02 ngày 03.6.2016, số tiền vay 625.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 03.6.2016, Lãi suất vay trong hạn là 15,95%/năm được cố định trong vòng ba tháng đầu kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần;

- Lần 3: Khế ước nhận nợ số SME/AGG/16/0035/HDHM-03 ngày 05.8.2016, số tiền vay 1.354.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 05.8.2016, Lãi suất vay trong hạn là 17,2%/năm được cố định trong vòng 01 tháng đầu kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần;

- Lần 4: Khế ước nhận nợ số SME/AGG/16/0035/HDHM-05 ngày 07.10.2016, số tiền vay 579.600.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 07.10.2016, Lãi suất vay trong hạn là 17,4%/năm được cố định trong vòng 01 tháng đầu kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần.

Để đảm bảo nợ vay, ông Nguyễn Văn C bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông C theo hợp đồng bảo lãnh số SME/AGG/16/0005/HDBL ngày 25.01.2016.

Hơn nữa, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục luật định. Nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22.01.2018, bị đơn thống nhất đến ngày 29.5.2017, bị đơn còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc quá hạn: 3.748.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 433.871.781 đồng. Qua đó, theo trình bày của nguyên đơn thì trong quá trình vay, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được các khoản sau:

./ Trả được số tiền 144.404.670 đồng nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số SME/AGG/16/0073/HDHM-01 ngày 19.10.2016 nên đến nay còn nợ 800.000.000 đồng nợ gốc và 118.140.555 đồng nợ lãi;

./ Trả được số tiền 625.000.000 đồng nợ gốc và 493.981.456 đồng nợ lãi theo Khế ước nhận nợ lần 1 ngày 28.4.2016, nên còn nợ 875.000.000 đồng nợ gốc và 327.257.590 đồng nợ lãi;

./ Trả được số tiền 260.000.000 đồng nợ gốc và 198.330.434 đồng nợ lãi theo Khế ước nhận nợ lần 2 ngày 03.6.2016, nên còn nợ 365.000.000 đồng nợ gốc và 134.351.964 đồng nợ lãi;

./ Trả được số tiền 225.600.000 đồng nợ gốc và 455.801.536 đồng nợ lãi theo Khế ước nhận nợ lần 3 ngày 05.8.2016, nên còn nợ 1.128.400.000 đồng nợ gốc và 415.271.738 đồng nợ lãi;

/ Trả được số tiền 143.228.403 đồng nợ lãi theo Khế ước nhận nợ lần 5 ngày 07.10.2016, nên còn nợ 579.600.000 đồng nợ gốc và 200.160.183 đồng nợ lãi.

Tổng số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là 2.546.346.499 đồng nợ gốc và lãi nên còn nợ 4.943.182.030 đồng nợ gốc và lãi.

Do đó, ngân hàng yêu cầu doanh nghiệp T có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng đến ngày hôm nay - ngày 12.3.2018, tổng số tiền nợ gốc và lãi là 4.943.182.030 đồng là có căn cứ chấp nhận và phù hợp theo quy định tại điều 91 và khoản 1 điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[4]. Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để xử lý nợ:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con, nhãn hiệu Toyota theo yêu cầu của nguyên đơn để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số SME/AGG/16/0073/HDHM-01 ngày 19.10.2016 nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với nghĩa vụ phát mãi tài sản thế chấp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ hợp đồng thế chấp xe ô tô số: SME/AGG/16/0073/HDTC ngày 19.10.2016 được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 19.10.2016 thì bà Trần Thị D đồng ý thế chấp tài sản là 01 xe ô tô biển số 65A-04546, giấy đăng ký xe số 009722 do công an thành phố Cần Thơ cấp ngày 14.5.2014 do ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị D đứng tên quyền sở hữu; Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà D không thực hiện việc tự khai và cũng không có bất kỳ ý kiến gì về nghĩa vụ phát mãi tài sản thế chấp. Trên cơ sở hợp đồng thế chấp tài sản được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục luật định nên có căn cứ khẳng định bà D sử dụng tài sản của mình để thế chấp nhằm đảm bảo nợ vay tại ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định pháp luật nên khi phát sinh tranh chấp đã dẫn đến phát sinh nghĩa vụ thế chấp tài sản của đương sự. Mặt khác, theo thỏa thuận tại các hợp đồng thế chấp thì các bên thỏa thuận xử lý tài sản thế chấp để thu hồi vốn vay khi nợ đến hạn trả mà ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để xử lý nợ theo quy định tại khoản 2 điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Do doanh nghiệp T không trả được nợ nên ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo xử lý nợ vay theo hợp đồng là có căn cứ pháp luật.

[5]. Xét hợp đồng bảo lãnh của ông Nguyễn Văn C đối với Doanh nghiệp tư nhân T về hợp đồng tín dụng:

Căn cứ hợp đồng bảo lãnh số SME/AGG/16/0005/HDBL ngày 25.01.2016 được giao kết giữa ông C với ngân hàng, thì ông Nguyễn Văn C đồng ý, cam kết bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là doanh nghiệp tư nhân T trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được

bảo lãnh đối với ngân hàng phát sinh từ các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ... Do đó, khi doanh nghiệp tư nhân T không trả được nợ thì ông C có nghĩa vụ thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh.

Từ viện dẫn các vấn đề bên trên nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[6]. *Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

./ Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí giá ngạch là: 112.000.000 đồng + $\{0,1\% \times (4.943.182.030 \text{ đồng} - 4.000.000.000 \text{ đồng})\} = 112.943.182,030 \text{ đồng}$ (làm tròn 112.943.182 đồng);

./ Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, 92, 147, 228 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 91, 94 và 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17.6.2010;

- Điều 335, điều 336, điều 342 Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với bị đơn Doanh nghiệp tư nhân T - ông Nguyễn Văn C chủ doanh nghiệp về việc đòi nợ vay theo hợp đồng tín dụng.

Buộc Doanh nghiệp tư nhân Tín - ông Nguyễn Văn C chủ doanh nghiệp có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền 4.943.182.030 đồng, trong đó:

./ Nợ gốc quá hạn: 3.748.000.000 đồng;

./ Nợ lãi quá hạn: 1.195.182.030 đồng (tính đến ngày 12.3.2018).

Doanh nghiệp tư nhân T - ông Nguyễn Văn C chủ doanh nghiệp phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng số: SME/AGG/16/0073/HDHM-01 ngày 19.10.2016, hợp đồng tín dụng số SME/AGG/16/0035/HDHM ngày 28.4.2016, hợp đồng tín dụng số SME/AGG/16/0035/HDHM-02 ngày 03.6.2016, hợp đồng tín dụng số SME/AGG/16/0035/HDHM-03 ngày 05.8.2016 và hợp đồng tín dụng số SME/AGG/16/0035/HDHM-05 ngày 07.10.2016 cho Ngân hàng thương mại cổ phần V kể từ ngày 13.3.2018 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh

lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh theo lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Doanh nghiệp tư nhân T - ông Nguyễn Văn C chủ doanh nghiệp không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán số nợ trên, cụ thể: 01 xe ô tô con, nhãn hiệu Toyota, số loại Camry ASV50L, biển số 65A-04546, giấy đăng ký xe số 009722 do công an thành phố Cần Thơ cấp ngày 14.5.2014 cho ông Nguyễn Văn C đứng tên quyền sở hữu.

Nếu tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì Doanh nghiệp tư nhân T - ông Nguyễn Văn C chủ doanh nghiệp có nghĩa vụ tiếp tục trả thêm cho đến khi trả hết nợ.

2. Trường hợp bị đơn Doanh nghiệp tư nhân T - ông Nguyễn Văn C chủ doanh nghiệp không trả được nợ (như trên) thì ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Doanh nghiệp tư nhân T theo hợp đồng bảo lãnh số SME/AGG/16/0005/HDBL ngày 25.01.2016.

3. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

/ Doanh nghiệp tư nhân T - ông Nguyễn Văn C chủ doanh nghiệp phải nộp 112.943.182 đồng.

/ Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 56.090.900 đồng theo phiếu thu số 002475 ngày 25.10.2017 tại Chi cục dân sự Thị hành án quận T, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án và cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- THA Q. Thốt Nốt;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thanh Điền